

Bản án số: **91/2022/HS - ST**
Ngày 15/8 /2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẠI TỪ, TỈNH THÁI NGUYÊN
Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Văn Kiên.

Các hội thẩm nhân dân: 1. Bà Hà Thị Lan.

2. Ông Nguyễn Việt Hưng.

Thư ký phiên tòa: Bà Đào Hồng Thanh, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên.

Đại diện VKSND huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa: Bà Lã Thị Tiến, Kiểm sát viên.

Trong ngày 15 tháng 8 năm 2022 tại Trụ sở TAND huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 87/2022/TLST - HS ngày 25/7/2022 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 91/2022/QĐXXST - HS ngày 01/8/2022 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: PHÙNG THÁI L, sinh ngày 24 tháng 10 năm 1989.
NĐKHKT và chỗ ở hiện nay: thôn Phố D, xã T, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang;

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hoá: 10/12. Con ông: Phùng Xuân C, sinh năm 1966; Con bà: Nguyễn Thị H, sinh năm 1967. Vợ: Hoàng Thị H, sinh năm 2000; Con: có 01 con sinh năm 2015. Gia đình có 04 anh em, bị cáo là con thứ ba.

Tiền án: 01. Tại bản án số 95/HSST ngày 30/9/2016 Tòa án nhân dân thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang xử phạt L 01 năm 03 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Ngày 20/10/2017 chấp hành xong hình phạt tù. L chưa chấp hành xong phần trách nhiệm dân sự.

Tiền sự: Không.

Nhân thân:

+ Ngày 02/7/2008 Công an phường Phúc Tân, Thành phố Hà Nội xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Trộm cắp tài sản”.

+ Năm 2008 TAND quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội xử phạt 40 tháng tù về tội “Cướp tài sản”. Ra trại ngày 12/4/2011. Bản án đã được xóa án tích.

+ Ngày 18/5/ 2011 TAND Thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa xử phạt 36 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Ra trại ngày 12/01/2014. Bản án đã được xóa án tích.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 9/4/2022. Hiện đang bị tạm giam tại trại tạm giam Công an tỉnh Thái Nguyên. *Có mặt tại phiên tòa.*

2. Họ và tên: **NGUYỄN THỊ T**, sinh ngày 07 tháng 02 năm 1990.

ĐKHKTT và chỗ ở hiện nay: xóm 1, xã T, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên;

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hoá: 09/12. Con ông: Nguyễn Văn S (đã chết); Con bà: Dương Thị T, sinh năm 1963; Chồng: Trần Văn T (*Đã ly hôn*); Con: có 02 con. Con lớn sinh năm 2009, con nhỏ sinh năm 2013. Gia đình có 03 anh chị em, bị cáo là con thứ ba;

Tiền án, Tiền sự: Không.

Bị cáo không bị bắt tạm giữ, tạm giam, hiện đang tại ngoại tại địa phương nơi cư trú. *Có mặt tại phiên tòa.*

* **Người bị hại:** Anh Trần Văn H, sinh 1982. Trú tại: Xóm Q, xã P, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên (*Có mặt tại phiên tòa*).

* **Người có QLNVLQ:** Bà Dương Thị T1, sinh năm 1963. Trú tại: Xóm Đ, xã M, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên (*Có mặt tại phiên tòa*).

* **Người làm chứng:** Bà Dương Thúy M, sinh năm 1973. Trú tại: Xóm V, xã L, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên (*Vắng mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 07 giờ 00 phút ngày 07/4/2022, Nguyễn Thị T đang ở cùng với Phùng Thái L tại phòng trọ của L ở Thành phố Hà Nội thì anh Trần Văn H, sinh năm 1982, trú tại Xóm Q, xã P, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên (*là bạn của T*) gọi điện thoại cho T rủ T đi mua gà với anh H tại Xóm V, xã L, huyện Đại Từ. Quá trình T và H nói chuyện điện thoại thì L biết được năm 2020 T có cầm một chiếc chìa khóa xe mô tô nhãn hiệu HONDA, FUTURE F1, BKS: 20F1 - AAAAA của anh H nên L đã nảy sinh ý định rủ T trộm cắp chiếc xe mô tô của anh H mang bán lấy tiền chi tiêu cá nhân. T đồng ý. L và T đi xe khách về cửa hàng vàng bạc Văn Phúc thuộc Thị trấn Hùng Sơn, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên để T lấy chiếc chìa khóa xe mô tô của anh H mà T để trong cốp xe mô tô nhãn hiệu Honda, VISION, BKS: 20F1 - BBBB (*Là xe mô tô T mượn của mẹ để T*) đưa cho L. Sau đó T và L đi vào Nhà nghỉ Ngọc Sơn thuộc Thị trấn Hùng Sơn, huyện Đại Từ để thuê phòng nghỉ. Khoảng 18 giờ cùng ngày, T chở L đến khu vực nhà văn hóa Xóm V, xã L, huyện Đại Từ để chờ T đi gặp anh H. Khoảng 30 phút sau, anh H đi xe mô tô BKS: 20F1 - AAAAA đến đưa T đi ăn tối. Sau đó, T và anh H quay về xã Lục Ba đợi người đến để mua gà. Đến khoảng 20 giờ 30 phút cùng ngày, xe ô tô chở gà đến nên anh H và T mỗi người đi một xe mô tô đến nhà bà Dương Thúy M, sinh năm 1973, trú tại Xóm V, xã L, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên để mua gà. Trên đường đi, khi đi qua nhà văn hóa Xóm V, xã L, T đón và chở L đi theo xe ô tô của người mua gà. Khi đến cổng nhà bà M, L xuống xe và chờ cơ hội để trộm xe của anh H. Còn anh H, khi đến nhà bà M để xe mô tô BKS: 20F1 - AAAAA của mình ở sân nhà bà M rồi cùng T và bà M đi ra phía sau nhà để xem gà. Lúc này L đứng cách chỗ anh H

dựng xe mô tô khoảng 30 mét. Khi thấy anh H và T đi vào trong nhà thì L liền đi đến chiếc xe mô tô của anh H, dùng chiếc chìa khóa T đưa cho từ trước mở ổ khóa điện rồi điều khiển xe mô tô của anh H đi đến bến xe khách Thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên chờ T.

Về phía anh H sau khi xem gà xong phát hiện bị mất trộm xe mô tô đã cùng T đi tìm nhưng không thấy nên đã đến Công an xã Lục Ba để trình báo sự việc. Sau khi anh H trình báo sự việc, T biết L đã trộm cắp được xe mô tô của anh H nên T đã nói với anh H là L trộm cắp chiếc xe mô tô của H và gọi điện thoại cho L mang xe mô tô về trả cho anh H, L đồng ý. Đến khoảng 06 giờ ngày 08/4/2022, L điều khiển xe mô tô của anh H về Thị trấn Hùng Sơn, huyện Đại Từ giao cho T để trả cho anh H. Sau khi lấy được xe, anh H đã mang xe đến Công an xã Lục Ba giao nộp để giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại kết luận định giá tài sản số 13/KL-HĐĐG của Hội đồng định giá tài sản UBND huyện Đại Từ kết luận: 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA, FUTURE F1, BKS: 20F1 - AAAAA có giá trị tại thời điểm tháng 4/2022 là 13.000.000 đồng.

Vật chứng của vụ án gồm: 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA, số loại FUTURE, BKS: 20F1 - AAAAA; 01 chiếc chìa khóa xe mô tô Honda; 01 chứng nhận đăng ký xe mô tô mang tên Trần Văn H. Ngày 20/5/2022 Cơ quan CSĐT Công an huyện Đại Từ trả lại cho anh H quản lý và sử dụng.

Về trách nhiệm dân sự: Anh H đã nhận lại tài sản và không có đề nghị gì đối với L và T.

Tại cáo trạng số 92/CT - VKS ngày 22/7/2022 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên đã truy tố các bị cáo Phùng Thái L và Nguyễn Thị T phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa đại diện VKSND giữ nguyên quyết định truy tố; đề nghị HĐXX áp dụng: điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 38; khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự, *Xử phạt* bị cáo L từ 18 đến 24 tháng tù. *Áp dụng* điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 173; Điều 17; Điều 65 Bộ luật hình sự, *Xử phạt* bị cáo T từ 09 đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Ngoài ra, còn đề nghị xử lý vật chứng và buộc các bị cáo phải chịu án phí HSST theo quy định của pháp luật.

Tại phần tranh luận: Các bị cáo đều không có ý kiến tranh luận. Thừa nhận việc truy tố xét xử là đúng người, đúng tội, không oan; nói lời sau cùng: xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định như sau:

{1}. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Đại Từ, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Đại Từ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác đều không

có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

{2.} Về căn cứ buộc tội: Tại giai đoạn điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo đều khai nhận toàn bộ diễn biến, hành vi nội dung sự việc đúng như nội dung kết luận điều tra và bản cáo trạng đã truy tố. Lời khai của các bị cáo phù hợp với nhau, phù hợp với biên bản và sơ đồ khám nghiệm hiện trường, kết luận định giá tài sản, vật chứng thu giữ và các tài liệu chứng cứ khác Cơ quan điều tra đã thu thập có trong hồ sơ vụ án.

Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định: Khoảng 20 giờ 30 phút ngày 07/4/2022, tại Xóm V, xã L, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên, lợi dụng anh Trần Văn H sơ hở trong việc quản lý tài sản, Phùng Thái L và Nguyễn Thị T đã thực hiện hành vi trộm cắp của anh H 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA, FUTURE F1, BKS: 20F1 - AAAAAA có giá trị 13 triệu đồng mục đích mang đi bán lấy tiền chi tiêu cá nhân. Sau khi trộm cắp được chiếc xe mô tô của anh H, biết hành vi của mình sẽ bị phát hiện nên ngày 8/4/2022 L và T mang xe về trả lại cho anh H. Hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 BLHS.

Nội dung khoản 1 Điều 173 BLHS quy định:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng ...thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm”.

{3}. Xét tính chất hành vi và vai trò phạm tội của các bị cáo:

Tính chất hành vi Trộm cắp của các bị cáo thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Vì có mối quan hệ tình cảm nên trước đó bị cáo T đã lấy 01 chiếc chìa khóa xe mô tô của anh H với mục đích trêu đùa; đến khoảng 07h sáng ngày 07 tháng 4 năm 2022 khi T đang ở cùng L thì anh H gọi điện rủ T đi mua gà cùng nên L đã nảy sinh ý định và gợi ý T cùng trộm cắp tài sản của anh H và đã được T đồng ý. Tuy nhiên, sau khi chiếm đoạt được tài sản của anh H, các bị cáo nhận thấy có khả năng bị phát hiện nên đã đem tài sản trả lại cho chủ sở hữu. Hành vi của các bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” với vai trò đồng phạm giản đơn là người thực hiện.

{4}. Xét tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Các bị cáo đều được hưởng 01 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS là: *“Người phạm tội thành khẩn khai báo”*. Bị cáo T được hưởng thêm các tình tiết « *Phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng* » và được người bị hại có đơn và ý kiến xin giảm nhẹ hình phạt quy định tại quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 và khoản 2 Điều 51 BLHS; ngoài ra có thể xem xét cho các bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm h khoản 1 Điều 51 BLHS là « *phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại hoặc gây thiệt hại không lớn* ». Bị cáo T không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào; bị cáo L phải chịu 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 BLHS là « *Tái phạm* ».

{5}. Xét nhân thân của các bị cáo thì thấy: các bị cáo đều được sinh ra và lớn lên trong gia đình lao động, được nuôi ăn H, có đủ nhận thức về các việc làm đúng sai của bản thân; bị cáo T có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự và chưa bị xử phạt hành chính về hành vi vi phạm pháp luật; bị cáo L đã nhiều lần bị xét xử và xử phạt vi phạm hành chính. Tuy nhiên, do coi thường pháp luật nên các bị cáo đã cố ý và tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội.

{6}. Về hình phạt: Căn cứ vào tính chất hành vi, các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của các bị cáo thì thấy. Các bị cáo đều là những người lao động bình thường; bị cáo T có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, chưa có tiền án, tiền sự; bị cáo L có nhân thân xấu, đã nhiều lần bị xét xử và xử phạt hành chính về hành vi cố ý. Tuy nhiên, sau khi thực hiện hành vi trộm cắp tài sản các bị cáo đã nhận thức được hành vi vi phạm pháp luật của bản thân nên đã thống nhất nhận thức trả lại tài sản cho chủ sở hữu, thể hiện các bị cáo đã tỏ rõ sự ăn năn hối cải; mặt khác, xét thấy các bị cáo đều thực hiện hành vi trộm cắp với vai trò đồng phạm giản đơn. Vì vậy, khi quyết định hình phạt, HĐXX cần cân nhắc, xem xét và phân hóa để có mức hình phạt cho phù hợp, vừa đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật vừa đảm bảo công tác đấu tranh phòng chống tội phạm.

Về hình phạt bổ sung: xét thấy, không cần thiết áp dụng đối với các bị cáo.

{7}. Về vật chứng vụ án + Trách nhiệm dân sự có liên quan: Quá trình điều tra đã được cơ quan điều tra xem xét, xử lý; tại phiên tòa không phát sinh thêm yêu cầu nào khác nên HĐXX không có căn cứ để xem xét.

{8}. Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí HSST theo quy định.

{9}. Các nội dung có liên quan khác: Nguyễn Thị T đã có hành vi mượn chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, VISION, BKS: 20F1 - BBBBB (Là xe mô tô của bà Dương Thị T1, Trú tại: Đàm Pháng, xã Mỹ Yên, Đại Từ, Thái Nguyên, mẹ đẻ của T) để đi trộm cắp tài sản. Tuy nhiên khi cho T mượn xe, T không nói và bà T1 không biết T sử dụng chiếc xe mô tô để trộm cắp tài sản nên Cơ quan điều tra không có căn cứ để xử lý đối với bà T1.

Vì các lẽ nêu trên;

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố: bị cáo **Phùng Thái L và Nguyễn Thị T** phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”;

- **Áp dụng:** khoản 1 Điều 173; điểm s,h khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17, 38, 58 Bộ luật hình sự;

+ **Xử phạt:** bị cáo **Phùng Thái L 15 (M lăm)** tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 09/4/2022.

+ **Áp dụng:** Điều 329 BLTTHS quyết định tạm giam bị cáo 45 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm để đảm bảo thi hành án.

- **Áp dụng:** khoản 1 Điều 173; điểm i,s,h khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17, 58, 65 Bộ luật hình sự;

+ **Xử phạt** bị cáo **Nguyễn Thị T 09 (chín)** tháng tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách là **18 (M tám)** tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo cho UBND xã T, huyện Đại Từ giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú trong việc giám sát, giáo dục.

Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo cố tình vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự từ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án. Trường hợp bị cáo thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định của Điều 56 Bộ luật hình sự.

* **Về hình phạt bổ sung:** Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo Phùng Thái L và bị cáo Nguyễn Thị T.

* **Về án phí:** Áp dụng Điều 136 BLTTHS; Nghị quyết số 326/2016/NQ - UBTVQH14 về mức thu, miễn giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Buộc các bị cáo Phùng Thái L và Nguyễn Thị T, **mỗi** bị cáo phải nộp 200.000đ án phí HSST sung công quỹ Nhà nước.

Án xử công khai sơ thẩm báo cho bị cáo, bị hại và người có QLNVLQ biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án đối với người có mặt và kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định đối với người vắng mặt.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- Sở tư pháp tỉnh TN;
- VKSND tỉnh + huyện Đại Từ;
- Công an huyện Đại Từ;
- THAHS + THADS Đại Từ;
- Bị cáo, Bị hại, Người có QLNVLQ;
- UBND xã T + Thiện Kế;
- Lưu hồ sơ + VT.

TM/HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Văn Kiên